

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 03/2018/KDTM-PT
Ngày 12 - 02 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôr.

Bà Lê Thị Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Linh Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLPT-KDTM ngày 20/11/2017, về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017, của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐ - PT ngày 04/01/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35 HV, quận HK, thành phố HN.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Đức T; chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng B – Chi nhánh ĐL và ông Trịnh Ngọc T1; chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch EK (Đều có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Hữu V (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn X, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Phạm Thị Hồng H (Vắng mặt);

Trú tại: Thôn Y, xã EK, huyện KP, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Tô Thị Thu H1 (Vắng mặt);

2. Ông Tô Thanh H2; bà Phạm Thị Tổ T2 (Vắng mặt);
3. Ông Hồ Quốc T3; bà Tô Thị Mỹ D (Vắng mặt);
Cùng trú tại: Thôn X, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
- Người kháng cáo: Ngân hàng B là nguyên đơn.
- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/3/2014, ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ vay của Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK số tiền 160.000.000^d (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Mục đích vay bổ sung nguồn vốn kinh doanh phân bón với lãi suất là 13,5%/năm và có thể được điều chỉnh tối thiểu 03 tháng một lần vào ngày đầu tháng của kỳ điều chỉnh. Thời hạn vay là 11 tháng (từ ngày 12/3/2014 đến ngày 12/02/2015), trả nợ vay vào ngày 12/02/2015, tiền lãi trả theo quý.

Để đảm bảo hợp đồng tín dụng trên ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H có thể chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất đối với diện tích 897m² thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất là nhà xây cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch, diện tích sử dụng 100m² tại thôn X, xã Ea Tyh, huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 678645 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp 06/12/2011 mang tên Nguyễn Hữu V. Hợp đồng thế chấp bất động sản được xác lập ngày 12/3/2014, công chứng tại Văn phòng công chứng PT ngày 13/3/2014 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện E vào lúc 9 giờ 30' ngày 13/3/2014.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H chưa trả cho Ngân hàng số tiền vay và tiền lãi nào. Mặc dù quá hạn trả nợ, đồng thời phía Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng ông V, bà H không thực hiện nghĩa vụ như cam kết.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 678645 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 06/12/2011 mang tên ông Nguyễn Hữu V là hợp pháp và thủ tục thế chấp theo đúng quy định pháp luật. Do đó, việc ông Tô Thanh H2, bà Phạm Thị Tổ T2 và ông Hồ Quốc T3, bà Tô Thị Mỹ D cho rằng: Trước đây họ nhận chuyển nhượng của bố ông V là ông Nguyễn Hữu V1 phần diện tích đất nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 678645 và xây dựng nhà ở trên các phần đất đó thì phía Ngân hàng không được ông V cung cấp thông tin nên không biết. Ngoài ra, việc

chuyển nhượng đất này chưa đúng theo trình tự, thủ tục của pháp luật nên họ không phải là chủ sử dụng đất hợp pháp. Do đó, quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất này vẫn thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Hữu V, các tài sản tăng thêm trên đất thuộc tài sản thế chấp cho Ngân hàng theo Điều 3 của Hợp đồng thế chấp xác lập ngày 12/3/2014.

Vì vậy, Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H phải trả số tiền vay là 160.000.000^d và tiền lãi tạm tính hết ngày 07/6/2016 là 63.442.311^d (Trong đó: lãi trong hạn 48.993.022^d và lãi quá hạn 14.449.289^d). Tổng cộng: 223.442.311^d (hai trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm mười một đồng) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2016 đến khi trả xong nợ. Trường hợp bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H không trả đủ nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

- Trong bản tự khai ngày 14/11/2016, bị đơn anh Nguyễn Hữu V trình bày tại Tòa án nhưng không ký dưới phần người khai, thừa nhận:

Ngày 12/3/2014, tôi và bà Phạm Thị Hồng H có vay của Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK số tiền 160.000.000^d (Một trăm sáu mươi triệu đồng), mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh phân bón, với thời hạn vay là 11 tháng và lãi suất như lời trình bày của người đại diện hợp pháp nguyên đơn là đúng sự thật. Đồng thời có thế chấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 897m² thuộc thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền trên đất là một căn nhà xây cấp 4 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 678645 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp 06/12/2011 mang tên Nguyễn Hữu V. Hợp đồng thế chấp có công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện E.

Tuy nhiên, đối với diện tích đất thế chấp thì vào khoảng năm 2000, bố đẻ của tôi đã chuyển nhượng cho hộ ông Hồ Quốc T3 8m chiều ngang theo đường và hộ ông Tô Thanh H2 6m chiều ngang theo đường, họ đã xây nhà và ở ổn định đến nay.

Do làm ăn thua lỗ, gặp khó khăn về kinh tế nên chưa trả cho Ngân hàng số tiền vay và tiền lãi nào nên yêu cầu Ngân hàng gia hạn thêm thời hạn trả nợ.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Thanh H2 và bà Phạm Thị Tổ T2 trình bày:

Ngày 30/5/2008, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu V1 và bà Tô Thị Thu H1 (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Hữu V) một thửa đất có diện tích đất 200m² (có chiều ngang theo đường là 6m) với số tiền 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng), vợ chồng tôi đã giao đủ tiền cho ông V1, bà H1. Tuy nhiên, hai bên thỏa thuận viết giấy tặng cho quyền sử dụng đất, không có chính

quyền địa phương chứng thực. Sau khi nhận chuyển nhượng thì vợ chồng tôi đã xây nhà cấp 4, ở ổn định đến nay. Tại thời điểm chuyển nhượng thì toàn bộ diện tích đất đã có bìa đỏ, do chưa có điều kiện để làm thủ tục sang tên thì ông V1 chết và ông Nguyễn Hữu V đã làm thủ tục sang tên đối với toàn bộ diện tích đất bao gồm cả phần diện tích chuyển nhượng cho vợ chồng tôi. Việc ông V sang tên và thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng, vợ chồng tôi hoàn toàn không biết. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hồ Quốc T3 và bà Tô Thị Mỹ D trình bày:

Ngày 30/5/2008, vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Hữu V1 và bà Tô Thị Thu H1 tổng diện tích đất khoảng 320m² (có chiều ngang theo đường là 8m) với số tiền 29.000.000^d và đã trả đủ số tiền này. Tuy nhiên, hai bên viết giấy tờ tay đối với diện tích đất 5m chiều ngang, còn phần mua thêm 3m chiều ngang thì không viết giấy. Vợ chồng tôi đã xây nhà cấp 4, ở ổn định từ thời điểm nhận chuyển nhượng đến nay. Khi chuyển nhượng thì toàn bộ diện tích đất đã có bìa đỏ nhưng hai bên chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi ông V chết thì ông Nguyễn Hữu V đã làm thủ tục sang tên đối với toàn bộ diện tích đất bao gồm cả phần diện tích chuyển nhượng cho vợ chồng tôi. Việc ông V sang tên và thế chấp quyền sử dụng đất tại Ngân hàng, vợ chồng tôi hoàn toàn không biết. Vì vậy, yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

**** Tại bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:***

- Áp dụng khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 471, khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 288 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 188 Luật đất đai năm 2013;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 4 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK số tiền 223.442.311^d (hai trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm mười một đồng), gồm: số tiền vay là 160.000.000^d và tiền lãi tạm tính hết ngày 07/6/2016 là 63.442.311^d. Mỗi người phải trả ½ số nợ là 111.721.155^d (tiền vay

80.000.000^d, tiền lãi 31.721.155^d) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2016 đến khi trả xong nợ.

Xử lý tài sản thế chấp: Hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/3/2014 giữa Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK và ông Nguyễn Hữu V, bà Phạm Thị Hồng H.

Sau khi bị đơn trả đủ nợ, nguyên đơn phải trả cho bị đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 678645 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp 06/12/2011 mang tên Nguyễn Hữu V.

Về án phí sơ thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H, mỗi người phải chịu 5.586.000^d (năm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho phía nguyên đơn Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK 11.172.115^d (mười một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn một trăm mười lăm đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0036596 ngày 11/10/2016.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2017 Ngân hàng B kháng cáo bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm hủy một phần bản án về việc tuyên hủy hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/03/2014 .

Ngày 12/10/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar có quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KNPT-KDTM kháng nghị một phần đối với bản án số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng công nhận hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/03/2014 có hiệu lực pháp luật và xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho ngân hàng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích nội dung kháng cáo của đại diện Ngân hàng B, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho rằng kháng cáo của Ngân hàng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên nội dung quyết định kháng nghị số 01/QĐ/KNPT-KDTM ngày 12/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện E, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Công nhận hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/3/2014 giữa Ngân hàng B – chi nhánh ĐL – Phòng giao dịch EK với ông Nguyễn Hữu V, bà Phạm Thị Hồng H có hiệu lực pháp luật và xử lý tài sản thế chấp để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự - Sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích ở trên.

Đương sự có mặt tại phiên tòa đề nghị HĐXX xem xét giải quyết theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Các bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, do vậy HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS xét xử vắng mặt họ.

Ngày 12/3/2014 Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK và ông Nguyễn Hữu V, bà Phạm Thị Hồng H có ký kết hợp đồng tín dụng số 01/2014/HĐ để vay số tiền 160.000.000 đồng. Để bảo đảm khoản vay giữa ngân hàng với ông V, bà H xác lập hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/3/2014, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BD 678645 do Ủy ban nhân dân huyện E cấp ngày 06/12/2011 cho ông Nguyễn Hữu V đối với thửa đất số 146, tờ bản đồ số 08, diện tích 897m² và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà xây cấp 4, tường gạch, mái tôn, nền gạch, diện tích sử dụng 100m² tại thôn X, xã ET, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Cả hai hợp đồng đều được công chứng tại Văn phòng công chứng PT. Quá thời hạn trả nợ nhưng ông V, bà H không thanh toán nợ do đó Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông V, bà H phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK số tiền 223.442.311 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm mười một đồng), gồm: Số tiền vay là 160.000.000^d và tiền lãi tạm tính hết ngày 07/6/2016 là 63.442.311 đồng. Mỗi người phải trả ½ số nợ là 111.721.155 đồng (tiền vay 80.000.000 đồng, tiền lãi 31.721.155 đồng) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2016 đến khi trả xong nợ là có căn cứ.

[2] Tại đơn khởi kiện (BL 01, 02) Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết tài sản thế chấp nên Tòa án cấp sơ thẩm xem xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/3/2014 là đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm yêu cầu Ngân hàng nộp tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nhưng Ngân hàng không đồng ý nộp chi phí (BL 133) thì Tòa án phải đình chỉ đối với yêu cầu xem xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2014/HĐ ngày 12/3/2014 (theo điểm đ, khoản 1, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự). Trong vụ án này, việc tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ là cần thiết cho quá trình giải quyết vụ án. Phải xác định phần đất ông Nguyễn Hữu V1, bà Tô Thị Thu H1 đã chuyển nhượng cho ông Hồ Quốc T3, bà Tô Thị Mỹ D, ông Tô Thanh H2, bà Phạm Thị Tố T2 có diện tích bao nhiêu, vị trí đất nằm ở đâu, tài sản gắn liền trên đất gồm có những gì. Nếu việc chuyển nhượng đất là có căn cứ, hợp pháp thì tách phần đất đã chuyển nhượng ra giải quyết thành một vụ án riêng khi có yêu

cầu của đương sự. Công nhận hợp đồng thế chấp đối với phần đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V, bà H1 nhằm bảo đảm quyền lợi cho Ngân hàng.

[3] Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy hợp đồng thế chấp tài sản đã được công chứng tại Văn phòng công chứng PT và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện E nhưng không đưa văn phòng công chứng, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng là không đúng pháp luật.

Như vậy, xét thấy cấp sơ thẩm nhận định còn chủ quan chưa toàn diện, vi phạm thủ tục tố tụng theo Điều 108 BLTTDS; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa văn phòng công chứng, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm theo Điều 73 BLTTDS vi phạm nghiêm trọng tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Vì vậy, cần hủy một phần bản án sơ thẩm về giải quyết tài sản thế chấp và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

Về tiền tạm ứng án phí KDTMPT cấp sơ thẩm thông báo đương sự kháng cáo nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí là không đúng quy định, tuy nhiên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Từ các phân tích nêu trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn và không có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy một phần bản án sơ thẩm nên Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 148; khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Chấp nhận đơn kháng cáo của Ngân hàng B.
- Không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar.
- Hủy một phần bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk về giải quyết tài sản thế chấp.

[2] Tuyên xử:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H phải liên đới trả cho nguyên đơn Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK số tiền 223.442.311 đồng (hai trăm hai mươi ba triệu bốn trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm mười một đồng), gồm: Số tiền vay là 160.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính hết ngày 07/6/2016 là 63.442.311 đồng. Mỗi người phải trả $\frac{1}{2}$ số nợ là 111.721.155 đồng (tiền vay 80.000.000 đồng, tiền lãi 31.721.155 đồng) và tiền lãi phát sinh tính theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 08/6/2016 đến khi trả xong nợ.

- Hủy phần xử lý tài sản thế chấp của bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2017/KDTM-ST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về án phí :

- Bị đơn ông Nguyễn Hữu V và bà Phạm Thị Hồng H, mỗi người phải chịu 5.586.000^d (năm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Tiền tạm ứng án phí KDTM sơ thẩm do Ngân hàng B, chi nhánh ĐL - phòng giao dịch EK đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0036596 ngày 14/10/2016 số tiền 11.172.115 đồng (mười một triệu một trăm bảy mươi hai nghìn một trăm mười lăm đồng) sẽ được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết.

- Ngân hàng B không phải chịu tiền án phí KDTM phúc thẩm. Ngân hàng B được nhận lại số tiền 300.000 đồng do ông Huỳnh Tấn T1 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003040 ngày 06/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện E;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Văn Công Dân

